



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 0100101308 ngày 26 tháng 4 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ 11 ngày 26 tháng 4 năm 2017. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
	Ông Phạm Duy Hạnh	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên
	Bà Nguyễn Thiên Lý	Thành viên
	Ông Thân Đức Việt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thiên Lý	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thân Đức Việt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Trọng Kim	Giám đốc điều hành
	Ông Bạch Thăng Long	Giám đốc điều hành
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Ánh Dương	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đồng
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam 

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần ("Tổng công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

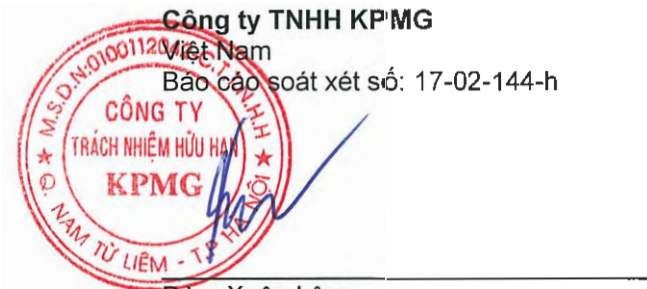


Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được soát xét.



Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-144-h

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2017

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.016.746.458.241	896.798.935.805
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	76.927.587.261	225.763.411.872
Tiền	111		42.327.587.261	224.863.411.872
Các khoản tương đương tiền	112		34.600.000.000	900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.100.000.000	1.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10	16.100.000.000	1.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		350.704.309.609	315.516.593.155
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	305.888.748.753	300.188.628.882
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.016.965.107	9.586.763.869
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	11.280.800.217	7.223.404.872
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(1.482.204.468)	(1.482.204.468)
Hàng tồn kho	140	14	510.668.608.277	302.448.779.668
Hàng tồn kho	141		514.033.153.548	305.813.324.939
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.364.545.271)	(3.364.545.271)
Tài sản ngắn hạn khác	150		62.345.953.094	51.970.151.110
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.304.406.302	4.541.084.011
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		59.041.546.792	47.429.067.099

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		336.878.157.908	377.609.176.999
Các khoản phải thu dài hạn	210		48.939.864.929	52.594.904.532
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	11	2.905.344.268	2.905.344.268
Phải thu về cho vay dài hạn	215		9.702.887.534	9.702.887.534
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	36.331.633.127	39.986.672.730
Tài sản cố định	220		262.026.712.879	290.659.143.410
Tài sản cố định hữu hình	221	15	259.290.336.844	288.921.867.374
Nguyên giá	222		983.879.563.892	953.201.600.047
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(724.589.227.048)	(664.279.732.673)
Tài sản cố định vô hình	227	16	2.736.376.035	1.737.276.036
Nguyên giá	228		6.787.099.483	5.320.099.483
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.050.723.448)	(3.582.823.447)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.226.032.702	632.309.393
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	1.226.032.702	632.309.393
Tài sản dài hạn khác	260		24.685.547.398	33.722.819.664
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	24.685.547.398	33.722.819.664
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.353.624.616.149	1.274.408.112.804

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.025.705.807.760	1.047.634.153.642
Nợ ngắn hạn	310		835.128.159.426	833.634.857.933
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	299.206.842.904	203.345.539.168
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.591.712.532	30.141.305.727
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	6.245.799.972	6.560.825.982
Phải trả người lao động	314		124.468.681.282	191.175.990.388
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		172.914.643	32.727.322
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	5.955.271.803	127.474.854.410
Vay ngắn hạn	320	22(a)	344.650.103.620	263.614.850.925
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	13.836.832.670	11.288.764.011
Nợ dài hạn	330		190.577.648.334	213.999.295.709
Phải trả người bán dài hạn	331	19	537.711.814	537.711.814
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		63.896.603.819	73.927.408.503
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	11.480.000.000	11.475.000.000
Vay dài hạn	338	22(b)	103.559.357.543	115.939.457.543
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		11.103.975.158	12.119.717.849
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		327.918.808.389	226.773.959.162
Vốn chủ sở hữu	410	24	327.918.808.389	226.773.959.162
Vốn cổ phần	411	25	180.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	100.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		39.998.000.000	170.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	76.276.819.147	70.120.819.147
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.723.708.295	55.780.780.485
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ/năm trước	421a		5.161.780.485	4.342.072.311
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.561.927.810	51.438.708.174
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		920.280.947	702.359.530
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.353.624.616.149	1.274.408.112.804

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
				Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.380.186.768.262	1.271.722.665.141
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	262.933.355	112.677.552
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	1.379.923.834.907	1.271.609.987.589
Giá vốn hàng bán	11		1.165.735.247.707	1.077.596.686.537
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		214.188.587.200	194.013.301.052
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	9.069.560.728	7.234.562.758
Chi phí tài chính	22	31	10.659.712.115	8.281.814.896
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.580.917.848	4.160.882.400
Chi phí bán hàng	25	32	83.484.553.380	70.807.089.332
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	97.715.920.823	93.639.071.929
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		31.397.961.610	28.519.887.653
Thu nhập khác	31	34	1.162.812.546	1.080.290.169
Chi phí khác	32		1.421.994.580	372.000.354
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(259.182.034)	708.289.815
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		31.138.779.576	29.228.177.468
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	5.358.930.349	4.724.786.118
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		25.779.849.227	24.503.391.350
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		25.561.927.810	24.281.617.882
Cổ đông không kiểm soát	62		217.921.417	221.773.468
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.420	2.428

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thu Hà
 Kế toán tổng hợp

Phạm Bích Hồng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Huyền
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
				Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		31.138.779.576	29.228.177.468
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		68.019.073.733	53.812.578.820
Lãi từ thanh lý tài sản	05		(554.117.274)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(845.277.162)	(55.458.073)
Chi phí lãi vay	06		5.580.917.848	4.160.882.400
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		103.339.376.721	87.146.180.615
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(43.145.156.544)	(33.311.325.780)
Biến động hàng tồn kho	10		(208.219.828.609)	(95.616.504.500)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		40.191.468.567	(18.054.940.957)
Biến động chi phí trả trước	12		10.276.247.875	(1.048.725.638)
			(97.557.891.990)	(60.885.316.260)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.580.917.848)	(4.160.882.400)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.233.664.381)	(4.018.452.977)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		134.600.000	67.800.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.065.274.032)	(3.888.418.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(123.303.148.251)	(72.885.269.637)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(54.235.801.192)	(89.382.040.581)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.390.264.975	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(15.000.000.000)	-
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		-	200.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		845.277.162	55.458.073
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(67.000.259.055)	(89.126.582.508)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
		Chưa soát xét

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	644.795.764.026	617.189.049.257	
Tiền trả nợ gốc vay	34	(576.140.611.331)	(477.505.246.443)	
Tiền trả cổ tức	36	(27.187.570.000)	(20.284.055.583)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	41.467.582.695	119.399.747.231	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(148.835.824.611)	(42.612.104.914)	
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	9	225.763.411.872	73.499.545.079
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	9	76.927.587.261	30.887.440.165

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Tổng công ty và công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- Đào tạo nghề;
- Cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng công ty có 1 công ty con – Công ty TNHH May Phù Đồng. Tổng công ty chiếm 60,97% (1/1/2017: 60,97%) quyền biểu quyết và quyền sở hữu tại công ty con này.

Hoạt động chính của công ty con là sản xuất và kinh doanh hàng may mặc.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng công ty và công ty con có 7.580 nhân viên (1/1/2017: 7.964 nhân viên). *M*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt. 

101
C
CH
K
/2/

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc tỷ giá bán chuyên khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. M

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Tổng công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao nhanh đối với một số thiết bị quản lý, máy móc và thiết bị và phương tiện vận chuyển. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Công nghệ sản xuất veston

Giá mua công nghệ sản xuất veston được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Công nghệ sản xuất veston được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 42 tháng. *M*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Giá mua tài sản cố định vô hình khác là phim tài liệu lịch sử 70 năm May 10 được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Tài sản này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

(ii) Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí như chi phí sửa chữa và chi phí nâng cấp, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng 18 tháng đến 36 tháng.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. *M*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.


(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. 

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê (nếu có).

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty xác định rằng Tổng công ty và công ty con hoạt động trong một bộ phận phân chia theo hoạt động kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may bao gồm sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chần, khăn cotton, quần áo may sẵn. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và công ty con được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và công ty con được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty liên quan đề cập tới Tập đoàn Dệt may Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và công ty con trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Tổng công ty và công ty con không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng công ty và công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. *M*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

Tổng công ty và công ty con gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Châu Mỹ
- Việt Nam
- Các vùng khác

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	150.957.451.185	486.452.229.371	551.324.590.502	175.767.119.709	15.422.444.140	1.379.923.834.907
Kết quả kinh doanh của bộ phận	21.448.836.979	58.799.419.807	66.308.257.843	65.811.032.835	1.821.039.736	214.188.587.200
<hr/>						
Thu nhập không phân bổ						9.069.560.728
Chi phí không phân bổ						(191.860.186.318)
<hr/>						
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh						31.397.961.610
<hr/>						
Thu nhập khác						1.162.812.546
Chi phí khác						(1.421.994.580)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(5.358.930.349)
<hr/>						
Lợi nhuận thuần sau thuế						25.779.849.227
<hr/>						

ky

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Châu Á VND Chưa soát xét	Châu Âu VND Chưa soát xét	Châu Mỹ VND Chưa soát xét	Việt Nam VND Chưa soát xét	Các vùng khác VND Chưa soát xét	Hợp nhất VND Chưa soát xét
Tổng doanh thu của bộ phận	133.148.323.975	436.130.202.942	553.901.446.414	133.322.169.560	15.107.844.698	1.271.609.987.589
Kết quả kinh doanh của bộ phận	17.937.512.498	52.021.307.781	63.397.587.228	58.840.300.342	1.816.593.203	194.013.301.052
Thu nhập không phân bổ						7.234.562.758
Chi phí không phân bổ						(172.727.976.157)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh						28.519.887.653
Thu nhập khác						1.080.290.169
Chi phí khác						(372.000.354)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(4.724.786.118)
Lợi nhuận thuần sau thuế						24.503.391.350

NY

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	14.017.991.628	171.804.830.798	88.163.857.992	29.245.414.904	5.561.997.699	308.794.093.021
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ						1.044.830.523.128
Tổng tài sản						<u>1.353.624.616.149</u>
Tổng nợ phải trả không phân bổ						<u>1.025.705.807.760</u>

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Chi tiêu vốn						40.818.812.112
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						67.551.173.732
Khấu hao tài sản cố định vô hình						467.900.001

ny

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	23.836.633.748	156.016.894.294	90.542.651.774	30.817.203.148	1.880.590.186	303.093.973.150
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ						971.314.139.654
Tổng tài sản						1.274.408.112.804
Tổng nợ phải trả không phân bổ						1.047.634.153.642

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét
Chi tiêu vốn						101.828.259.221
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						53.472.811.788
Khấu hao tài sản cố định vô hình						339.767.032

py

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3.569.214.733	3.306.118.628
Tiền gửi ngân hàng	38.758.372.528	221.557.293.244
Các khoản tương đương tiền	34.600.000.000	900.000.000
	<hr/>	<hr/>
	76.927.587.261	225.763.411.872
	<hr/>	<hr/>

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

Giá trị hợp lý của đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

11. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Asmara International Limited	31.625.780.237	21.658.122.321
Li & Fung Trading Limited	19.331.992.628	11.350.067.725
Brandtex A/C	38.318.702.970	33.964.359.971
Oktava Hong Kong Limited	41.642.818.872	31.276.469.690
Các khách hàng khác	177.874.798.314	204.844.953.443
	<hr/>	<hr/>
	308.794.093.021	303.093.973.150
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	305.888.748.753	300.188.628.882
Dài hạn	2.905.344.268	2.905.344.268
	<hr/>	<hr/>
	308.794.093.021	303.093.973.150
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	65.630.000	1.150.075.053

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô từ tiền khách hàng ứng trước	7.927.771.018	5.000.191.446
Tạm ứng cho nhân viên	2.215.010.955	850.000.000
Phải thu khác	1.138.018.244	1.373.213.426
	11.280.800.217	7.223.404.872

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô từ tiền khách hàng ứng trước	34.019.085.782	37.551.835.274
Đặt cọc dài hạn	2.312.547.345	2.308.919.348
Phải thu dài hạn khác	-	125.918.108
	36.331.633.127	39.986.672.730

M

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2017			Số ngày quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH MTV Thương mại Việt Hàn Huệ Nguyễn Glee Co	Trên 3 năm	2.067.434.949	(1.447.204.468)	620.230.481	2 - 3 năm	2.067.434.949	(1.447.204.468)	620.230.481
Công ty TNHH May Toàn Thắng	Trên 7 năm	35.000.000	(35.000.000)	-	7 năm	35.000.000	(35.000.000)	-
		<u>2.102.434.949</u>	<u>(1.482.204.468)</u>	<u>620.230.481</u>		<u>2.102.434.949</u>	<u>(1.482.204.468)</u>	<u>620.230.481</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(1.482.204.468)</u>				<u>(1.482.204.468)</u>	

ky

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	12.318.915.643	-
Nguyên vật liệu	326.849.995.086	-	142.590.143.558	-
Công cụ và dụng cụ	1.462.723.753	-	1.141.477.852	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.599.699.001	-	19.889.663.194	-
Thành phẩm	113.808.584.104	(3.364.545.271)	85.367.564.281	(3.364.545.271)
Hàng hóa	18.919.859.969	-	28.181.817.383	-
Hàng gửi đi bán	34.392.291.635	-	16.323.743.028	-
	514.033.153.548	(3.364.545.271)	305.813.324.939	(3.364.545.271)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 8.941 triệu VND thành phẩm (1/1/2017: 8.941 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. 14

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Pbương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	252.438.625.948	581.365.489.581	46.085.411.772	73.312.072.746	953.201.600.047
Tăng trong kỳ	361.587.273	34.558.197.771	-	2.812.955.780	37.732.740.824
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	-	1.023.050.079	-	-	1.023.050.079
Thanh lý	(3.649.592.557)	(4.237.330.501)	-	(190.904.000)	(8.077.827.058)
Số dư cuối kỳ	249.150.620.664	612.709.406.930	46.085.411.772	75.934.124.526	983.879.563.892
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	159.750.401.158	433.969.328.569	27.036.321.666	43.523.681.280	664.279.732.673
Khấu hao trong kỳ	12.064.290.432	46.239.879.837	3.082.467.637	6.164.535.826	67.551.173.732
Thanh lý	(2.813.444.856)	(4.237.330.501)	-	(190.904.000)	(7.241.679.357)
Số dư cuối kỳ	169.001.246.734	475.971.877.905	30.118.789.303	49.497.313.106	724.589.227.048
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	92.688.224.790	147.396.161.012	19.049.090.106	29.788.391.466	288.921.867.374
Số dư cuối kỳ	80.149.373.930	136.737.529.025	15.966.622.469	26.436.811.420	259.290.336.844

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 452.655 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 423.889 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 84.314 triệu VND (1/1/2017: 132.418 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 22(b)). *Ny*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Công nghệ sản xuất veston VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	2.434.101.835	697.997.648	2.188.000.000	5.320.099.483
Tăng trong kỳ	1.467.000.000	-	-	1.467.000.000
Số dư cuối kỳ	3.901.101.835	697.997.648	2.188.000.000	6.787.099.483
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	2.434.101.835	697.997.648	450.723.964	3.582.823.447
Khấu hao trong kỳ	81.500.000	-	386.400.001	467.900.001
Số dư cuối kỳ	2.515.601.835	697.997.648	837.123.965	4.050.723.448
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	-	1.737.276.036	1.737.276.036
Số dư cuối kỳ	1.385.500.000	-	1.350.876.035	2.736.376.035

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.132 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 3.132 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng. *py*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	632.309.393	951.471.940
Tăng trong kỳ	1.619.071.288	24.461.730.173
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 15)	(1.023.050.079)	(2.012.465.036)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 18)	(2.297.900)	(370.575.455)
Số dư cuối kỳ	1.226.032.702	23.030.161.622

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án cải tạo trung tâm trưng bày và giới thiệu sản phẩm	481.636.364	-
Nhà ở cán bộ công nhân viên	632.309.393	632.309.393
Xây dựng 3 cửa hàng tạm tại Tổng công ty	112.086.945	-
Số dư cuối kỳ	1.226.032.702	632.309.393

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	12.919.949.105	7.869.995.739	12.932.874.820	33.722.819.664
Tăng trong kỳ	2.900.019.767	669.702.000	811.865.961	4.381.587.728
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	2.297.900	-	-	2.297.900
Phân bổ trong kỳ	(7.488.671.887)	(882.485.646)	(5.050.000.361)	(13.421.157.894)
Số dư cuối kỳ	8.333.594.885	7.657.212.093	8.694.740.420	24.685.547.398

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Collins Limited	100.045.940.812	-
Công ty TNHH G.M.I	23.540.022.000	21.555.454.800
Levertex Limited	37.176.303.094	28.756.207.094
Các nhà cung cấp khác	138.982.288.812	153.571.589.088
	299.744.554.718	203.883.250.982

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngắn hạn	299.206.842.904	203.345.539.168
Dài hạn	537.711.814	537.711.814
	299.744.554.718	203.883.250.982

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	150.000.000	-

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn *my*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.901.675.109	14.553.856.056	(15.607.864.953)	1.847.666.212
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.132.817.401	5.358.930.349	(4.233.664.381)	3.258.083.369
Thuế thu nhập cá nhân	1.526.333.472	8.453.346.718	(9.859.927.081)	119.753.109
Thuế xuất nhập khẩu	-	806.057.505	(543.875.223)	262.182.282
Tiền thuế đất	-	4.722.081.996	(3.963.966.996)	758.115.000
Các loại thuế khác	-	86.078.878	(86.078.878)	-
	6.560.825.982	33.980.351.502	(34.295.377.512)	6.245.799.972

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải trả phát hành cổ phiếu (*)	-	120.000.000.000
Kinh phí công đoàn	1.227.835.287	2.891.809.090
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	200.000.000	121.577.837
Cổ tức phải trả	263.485.077	451.055.077
Khác	4.263.951.439	4.010.412.406
	5.955.271.803	127.474.854.410

(*) Đây là khoản tiền thu được từ đợt chào bán 8.000.000 cổ phiếu ra công chúng được Hội đồng Quản trị Tổng công ty phê duyệt ngày 23 tháng 12 năm 2016. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu đang chờ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt chấp thuận và do đó số tiền thu được được ghi nhận vào tài khoản phải trả ngắn hạn khác theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán, Bộ Tài chính. Trong kỳ, Tổng công ty đã ghi nhận khoản tiền này vào Vốn cổ phần sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 3 tháng 1 năm 2017.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đặt cọc dài hạn	1.480.000.000	1.475.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	11.480.000.000	11.475.000.000
	<hr/>	<hr/>

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017			30/6/2017
	Giá trị ghi sổ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	229.657.890.925	644.347.214.026	(555.009.801.331)	318.995.303.620
Vay dài hạn đến hạn trả	33.956.960.000	12.828.650.000	(21.130.810.000)	25.654.800.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	263.614.850.925	657.175.864.026	(576.140.611.331)	344.650.103.620
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá Tổng công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2017	1/1/2017
		VND	VND
Khoản vay ngân hàng	USD	318.995.303.620	229.657.890.925
		<hr/>	<hr/>

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không được đảm bảo bằng tài sản. Lãi cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

M

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình	VND	2018 - 2020	9.702.887.543	9.702.887.543
Khoản vay ngân hàng	VND	2015 - 2017	50.391.000.000	55.701.000.000
Khoản vay ngân hàng	USD	2015 - 2018	67.754.670.000	83.570.930.000
Vay cá nhân	VND	2018	1.365.600.000	921.600.000
			129.214.157.543	149.896.417.543
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(25.654.800.000)	(33.956.960.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			103.559.357.543	115.939.457.543

Khoản vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình không được đảm bảo và không chịu lãi.

Các khoản vay ngân hàng có lãi cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo có giá trị ghi sổ là 84.314 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 132.418 triệu VND) (Thuyết minh 15).

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	11.288.764.011	7.044.818.270
Trích lập trong kỳ	17.463.000.000	16.636.000.000
Tặng khác	134.600.000	67.800.000
Sử dụng trong kỳ	(15.049.531.341)	(3.888.418.000)
Số dư cuối kỳ	13.836.832.670	19.860.200.270

MY

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	100.000.000.000	170.000.000	64.247.819.147	47.233.996.111	703.001.073	212.354.816.331
Lợi nhuận thuần trong kỳ - chưa soát xét	-	-	-	24.281.617.882	221.773.468	24.503.391.350
Phân bổ vào các quỹ	-	-	5.873.000.000	(5.873.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.636.000.000)	-	(16.636.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(20.000.000.000)	-	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 – chưa soát xét	100.000.000.000	170.000.000	70.120.819.147	29.006.613.993	924.774.541	200.222.207.681
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	100.000.000.000	170.000.000	70.120.819.147	55.780.780.485	702.359.530	226.773.959.162
Phát hành cổ phiếu	80.000.000.000	39.828.000.000	-	-	-	119.828.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	25.561.927.810	217.921.417	25.779.849.227
Phân bổ vào các quỹ	-	-	6.156.000.000	(6.156.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.463.000.000)	-	(17.463.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(27.000.000.000)	-	(27.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	180.000.000.000	39.998.000.000	76.276.819.147	30.723.708.295	920.280.947	327.918.808.389

Handwritten signature

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	18.000.000	180.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2017		30/6/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	8.000.000	80.000.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	18.000.000	180.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000

26. Cổ tức

Ngày 4 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty đã thông qua phương án chia cổ tức cho năm 2016 với số tiền là 27 tỷ VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 20 tỷ VND).

27. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 4 tháng 5 năm 2017, Tổng công ty đã trích lập 6,156 tỷ VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 5,873 tỷ VND) từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2016 vào Quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. M

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	1.145.717	26.007.827.129	3.403.786	77.334.027.236
Euro (“EUR”)	18	427.515	23	545.016
		26.008.254.644		77.334.572.252

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 Tổng công ty và công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	67.814.383.453	107.636.405.818
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	45.999.340.445	6.177.318.080
	113.813.723.898	113.813.723.898

(c) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	8.180.966.894	8.180.966.894
Trong vòng hai đến năm năm	32.723.867.576	32.723.867.576
Sau năm năm	122.919.657.980	127.010.141.427
	163.824.492.450	167.914.975.897

MY

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.035.998.443.211	950.080.257.187
▪ Cung cấp dịch vụ	9.766.968.484	7.944.926.538
▪ Gia công	334.421.356.567	313.697.481.416
	<hr/>	<hr/>
	1.380.186.768.262	1.271.722.665.141
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(262.933.355)	(112.677.552)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.379.923.834.907	1.271.609.987.589

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi tiền gửi	845.277.162	55.458.073
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.944.418.857	7.094.002.225
Doanh thu hoạt động tài chính khác	279.864.709	85.102.460
	<hr/>	<hr/>
	9.069.560.728	7.234.562.758

M

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	5.580.917.848	4.160.882.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.076.168.920	4.120.932.496
Chi phí tài chính khác	2.625.347	-
	10.659.712.115	8.281.814.896

32. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	10.322.764.299	9.273.461.861
Chi phí quảng cáo	5.457.605.782	4.038.933.504
Chi phí vận chuyển	19.691.511.844	18.160.390.374
Chi phí xuất khẩu	12.086.880.738	12.422.175.004
Chi phí thuê cửa hàng	7.386.042.144	7.778.948.106
Chi phí bán hàng khác	28.539.748.573	19.133.180.483
	83.484.553.380	70.807.089.332

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	47.587.843.665	43.779.251.345
Chi phí khấu hao và phân bổ	13.429.882.589	12.037.130.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.059.668.073	22.375.647.022
Chi phí khác	14.638.526.496	15.447.042.877
	97.715.920.823	93.639.071.929

ny

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	554.117.274	-
Thu nhập khác	608.695.272	1.080.290.169
	1.162.812.546	1.080.290.169

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	690.972.210.215	674.285.776.288
Chi phí nhân viên	374.077.163.523	348.418.883.703
Chi phí khấu hao và phân bổ	68.019.073.733	53.812.578.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.079.634.352	83.397.776.205
Chi phí khác	119.745.286.910	110.345.840.815

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	5.358.930.349	4.724.786.118

ny

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế


	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	31.138.779.576	29.228.177.468
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán Chi phí không được khấu trừ thuế	2.230.845.167	2.895.753.122
Thu nhập chịu thuế trong kỳ	33.369.624.743	32.123.930.590
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất của Tổng công ty	6.673.924.949	6.424.786.118
▪ Chi phí cho lao động nữ	(1.314.994.600)	(1.700.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.358.930.349	4.724.786.118

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành từ năm 2016, Tổng công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty và công ty con được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 25.561.927.810 VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 24.281.617.882 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 18.000.000 cổ phiếu (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 10.000.000 cổ phiếu). 

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa soát xét
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Chia cổ tức	9.588.186.000	7.102.360.000
Bán hàng hóa	3.949.261.825	2.326.624.818
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	3.215.622.300	2.827.654.700

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa soát xét
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	1.115.051.840	12.446.218.640

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc